

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ V  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hà Văn Trường

2. Ông Đặng Song Hoàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 555/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐ-HPT ngày 30 tháng 5 năm 2022**, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà **VÕ THỊ H**, sinh năm: 1991.

Hộ khẩu thường trú: 60/5/20/4 đường L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: 132/10/17 đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

**Bị đơn:** Ông **NGUYỄN VIỆT H1**, sinh năm 1986;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 60/5/20/4 đường L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2021, các lần làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:*

Bà Võ Thị H và ông Nguyễn Việt H1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 130 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V cấp ngày 16/7/2015.

Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà H là do có nhiều bất đồng trong quan điểm sống từ tính cách không hòa hợp. Trong đó điều kiện kinh tế khó khăn cũng làm vợ chồng thường

xuyên cãi vã, thậm chí có lúc xô xát nhau. Ngoài ra, ông H1 tính tình rất nóng nảy, nhất là khi vợ chồng xung đột, ông H1 có những hành động thô bạo đối với bà. Gần đây nhất là vào tháng 8/2020, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến xô xát, ông H1 dùng bạo lực đối với bà. Do sợ hãi và tổn thương, bà H đã chuyển về nhà chị gái sống, vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, bà H và ông H1 có gặp nhau khi bà đến thăm con, nhưng ông bà không ai bàn đến chuyện hàn gắn tình cảm. Bà H xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, cả hai hoàn toàn không còn quan tâm nhau, tình cảm không còn. Vì vậy, bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 (một) con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/02/2016. Khi vợ chồng ly thân, ban đầu ông H1 là người trực tiếp chăm sóc con chung, nhưng khoảng gần 02 năm nay bà đã đón con về chăm sóc và nuôi dưỡng. Bà H đề xuất được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 12/4/2022, bị đơn ông Nguyễn Viết H1 trình bày:*

Ông H1 và bà H chung sống với nhau từ năm 2015, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Ông H1 thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn như bà H trình bày, vợ chồng đã ly thân gần 02 (hai) năm nay. Tuy nhiên, ông H1 muốn Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 (một) con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/02/2016. Ông H1 có ý kiến nếu Tòa án xử vợ chồng ông ly hôn, ông đồng ý để bà H là người trực tiếp nuôi con. Không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H1 xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Biên bản xác minh ngày 17/5/2022 tại Tổ B, khu phố B, phường T, thành phố V xác định: Hiện nay bà H không còn sống cùng gia đình ông H1 tại số nhà 60/5/20/4 đường L, phường T, thành phố V. Trong quá trình sống tại đây, bà H không nhờ tổ trưởng và hội phụ nữ hòa giải mâu thuẫn, tổ dân phố không biết và không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng bà H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án, Hội đồng xét xử, thư kí đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa xác định, bà H và ông H1 chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 130 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V cấp ngày 16/7/2015. Bà H yêu cầu ly hôn nhưng ông H1 không đồng ý. Tuy nhiên, xét hôn nhân giữa bà H và ông H1 không còn tồn tại về mặt thực tế đã 02 năm, mỗi người sống một nơi, mỗi quan hệ vợ chồng không thể

hàn gắn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn đối với ông H1 của bà H.

Về con chung: Có 01 (một) con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/02/2016. Bà H và ông H1 thống nhất về việc, trong trường hợp vợ chồng ly hôn, bà H là người trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Gia B. Cả hai không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H vì đã thống nhất giữa hai bên.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Tổ tụng:**

##### **[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý:**

Bà Võ Thị H và ông Nguyễn Viết H1 chung sống có đăng ký kết hôn. Bà H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H1. Ông H1 có nơi cư trú tại thành phố V. Vì vậy, vụ án hôn nhân gia đình về “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

##### **[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:**

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Viết H1 đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

#### **[2] Nội dung:**

##### **[2.1] Về quan hệ hôn nhân:**

Bà Võ Thị H và ông Nguyễn Viết H1 chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 130 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V cấp ngày 16/7/2015, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà H và ông H1 đều xác định vợ chồng có những mâu thuẫn không thể hàn gắn, không thể khắc phục được do bất đồng trong quan điểm sống vì tính cách cả hai có quá nhiều khác biệt. Sau nhiều lần mâu thuẫn, thậm chí dẫn đến xô xát, tháng 8/2020 bà H chuyển về nhà chị gái sống và vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay. Bà H và ông H1 có gặp nhau nhưng cả hai không mong mỗi, quyết tâm hướng đến việc hàn gắn. Mâu thuẫn đã không thể giải quyết và theo chiều hướng trầm trọng, vợ chồng ly thân kéo dài dẫn đến không quan tâm, không còn tình cảm với nhau. Tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã động viên nhưng bản thân bà H xác định tình trạng hôn nhân của mình không thể cứu vãn nên giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Đối với ông H1, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng để ông H1 đến Tòa án làm việc nhưng ông H1 chỉ đến Tòa làm việc một lần, trình bày nguyện vọng muốn vợ chồng hòa giải nhưng sau đó không đến Tòa án làm việc, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Việc ông H1 không đến Tòa án tham gia tố

tụng đầy đủ, ngoài không thể tranh thủ sự động viên của Tòa án, phần nào còn thể hiện ông H1 không thiện chí, quyết tâm hòa giải để hàn gắn.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”. Đối chiếu quy định trên thì thấy, mâu thuẫn của bà H và ông H1 đã trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài do không duy trì được mục đích, lý do, ý nghĩa đề tồn tại của đời sống hôn nhân. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Võ Thị H và ông Nguyễn Viết H1 có 01 (một) con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/02/2016. Cháu B hiện đang sống với bà H, phát triển tốt. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Xét bà H có đủ điều kiện để nuôi con, yêu cầu được nuôi con của bà H phù hợp và thống nhất với ý kiến của ông H1. Nên giao cháu Nguyễn Gia B cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông H1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Võ Thị H.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị H ly hôn với ông Nguyễn Viết H1.

2. Về con chung: Là Nguyễn Gia B, sinh ngày 03/02/2016. Giao cháu Nguyễn Gia B cho bà Võ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H và ông H1 không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo Điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Võ Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003988 ngày 03/6/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V. Như vậy, bà H đã thi hành xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của Pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố V;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- THADS thành phố V;
- UBND phường T, tp. V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thanh Huyền**





